

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 02/6/2023

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOA LƯ, TỈNH NINH BÌNH**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** bà Đào Thị Huệ.
- **Các Hội thẩm nhân dân:**

Ông Nguyễn Văn Luận

Ông Phạm Đức Thọ.

Thư ký phiên tòa: bà Giang Thị Mến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: bà Vũ Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai, sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 16/2023/TLST - HNGĐ ngày 10/3/2023, về: “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXX-ST ngày 24/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24/5/2023 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** anh Vũ Thành Trí M, sinh năm 1993. Địa chỉ cư trú: thôn H, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình.

***Bị đơn:** chị Phạm Thị T, sinh năm 1997. Địa chỉ cư trú: thôn H, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt anh M, vắng mặt chị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/03/2023, và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh Vũ Thành Trí M trình bày:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Phạm Thị T quen nhau ở huyện T, tỉnh Thanh Hóa quen nhau qua mạng xã hội khoảng 01 tháng thì kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ninh Thắng ngày 11/11/2021 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng anh chị về sống cùng cùng với mẹ ruột anh M tại thôn H, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình vợ chồng chung sống được khoảng 6 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính, do vợ chồng không hợp tính nhau, luôn bất đồng quan điểm trong mọi lĩnh vực dẫn đến vợ chồng thường xuyên va chạm cãi

chửi nhau. Mâu thuẫn sâu sắc nhất khoảng tháng 5/2022 cũng vì nguyên nhân trên chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở T, Thanh Hóa sống kể từ đó vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Đến khoảng tháng 2/2023 chị T lại quay về nhà anh M để tiếp tục sinh sống nhưng vợ chồng không hàn gắn được tình cảm, không ai quan tâm đến ai về mọi mặt. Anh M xác định tình cảm vợ chồng không còn, chung sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh M đề nghị Tòa giải quyết cho anh được ly hôn với chị T để các bên ổn định cuộc sống.

1.2. Về con chung, tài sản, công nợ chung: anh M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn chị Phạm Thị T trình bày như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Về thời điểm kết hôn, diễn biến quá trình chung sống của vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn đúng như nguyên đơn anh Vũ Thành Trí M trình bày. Ngoài ra chị T xác định khi chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống anh M không hề quan tâm hỏi han gì đến chị và nhiều lần đặt vấn đề ly hôn với chị nhưng chị không đồng ý, cho đến tháng 2/2023 chị trở về nhà anh M sinh sống nhưng anh M cũng không quan tâm gì đến chị, thậm chí buổi tối anh M thường xuyên không ngủ ở nhà mà sang nhà bạn ngủ. Đến nay anh M xin ly hôn chị, chị xin thêm thời gian để suy nghĩ.

2.2 Về con chung, tài sản công nợ chung: anh chị không có nên không đề nghị tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay anh M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:

* Về thủ tục tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng đầy đủ các quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không tham gia đầy đủ các buổi hòa giải. Tại phiên tòa chị Thu vắng mặt lần 2 không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về nội dung giải quyết vụ án:

Căn cứ: Điều 19 khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/UBTCQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử lý hôn giữa anh Vũ Thành Trí M và chị Phạm Thị T.

Về án phí: anh Vũ Thành Trí M phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra lại tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo xác định của Ủy ban nhân dân xã Ninh Thắng thì bị đơn chị Phạm Thị T có nơi cư trú ở thôn Hành Cung, xã Ninh Thắng, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án và gửi thông báo thụ lý vụ án cho chị T theo quy tại Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư chị T đã trực tiếp nhận nhưng không ký vào biên bản giao nhận và không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị T của Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư là hợp lệ. Tại phiên tòa chị T vắng mặt Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

[2]. Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: anh Vũ Thành Trí M và chị Phạm Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị xã Ninh Thắng, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/11/2021 nên hôn nhân của anh M chị T được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng anh M chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do trước khi cưới vợ chồng quen biết nhau thông qua mạng xã hội, thời gian tìm hiểu chỉ khoảng 1 tháng nên từ khi kết hôn cả hai vợ chồng nhận thấy tính tình và cách sống không hợp nhau nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Mâu thuẫn sâu sắc nhất khoảng tháng 5/2022 cũng vì nguyên nhân trên chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở T, Thanh Hóa sống kể từ đó vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Đến khoảng tháng 2/2023 mặc dù chị T lại quay về nhà anh Minh để tiếp tục sinh sống với mong muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng anh M cũng không quan tâm gì đến chị Thu. Điều này, cũng được thể hiện tại Biên bản làm việc của Tòa án với Ủy ban nhân dân xã Ninh Thắng. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh M và chị T đã mâu thuẫn trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận

[2.2] Về con chung, tài sản, công nợ chung: anh M, chị T đều xác định anh chị không có con chung nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: anh M phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 5, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 266, 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTCQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Vũ Thành Trí M và chị Phạm Thị T.

2. Về con chung, tài sản, công nợ chung: anh M, chị T xác định không có nên HĐXX không giải quyết.

3. Về án phí: anh Vũ Thành Trí M phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002252 ngày 10/03/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoa Lư.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điểm 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Hoa Lư;
- UBND xã Ninh Thắng;
- THADS huyện Hoa Lư;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa.**

Đã ký

Đào Thị Huệ.